

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/05/2022.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Hoàng Kiệt.

2. Bà Lý Diệu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:** Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 05 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1988 (có mặt)

Bị đơn: Bà Tô Thị Mỹ T, sinh năm 1989 (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:**

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Tô Thị Mỹ T (sau đây gọi tắt là ông L, bà T) đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang ngày 20/5/2010. Quá trình chung sống ông L, bà T thường phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc ông L yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông L và bà T có 02 người con chung tên Nguyễn Xuân Thơ, sinh ngày 03/3/2010 và Nguyễn Công Văn, sinh ngày 12/10/2017, hiện cháu Thơ đang sống với ông L, còn cháu Văn đang sống với bà T. Khi ly hôn ông L yêu cầu được nuôi cháu Thơ và đồng ý giao cháu Văn cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng; ông L, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Tô Thị Mỹ T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.**

*Tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp:*

Nguyên đơn ông L cung cấp: Đơn xin xác nhận nơi cư trú của bà T (bản chính); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Bản sao giấy khai sinh tên Nguyễn Xuân Thơ và Nguyễn Công Văn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Bà Tô Thị Mỹ T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa ông L với bà T là hợp pháp. Tại phiên tòa, ông L trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc nên đã ly thân từ ngày 21/5/2021 đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông L và bà T đã ly thân hơn 01 năm nay nhưng không thể hàn gắn cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông L và bà T không còn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất cho ông L được ly hôn với và Tú.

*Về con chung:* Ông L và bà T có 02 người con chung tên Nguyễn Xuân Thơ, sinh ngày 03/3/2010, giới tính nữ và Nguyễn Công Văn, sinh ngày 12/10/2017, giới tính nam, cháu Thơ hiện đang sống với ông L, cháu Văn sống với bà T. Khi ly hôn ông L yêu cầu được nuôi cháu Thơ và đồng ý giao cháu Văn cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Nhận thấy, ông L và bà T mỗi người đều đang nuôi 01 con chung, cuộc sống của các cháu ổn định, vì vậy việc ông L yêu cầu được nuôi cháu Thơ và đồng ý giao cháu Văn cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Thơ cũng có nguyện vọng được sống với ông L. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Thơ cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng; Bà T được tiếp tục nuôi cháu Văn. Ông L và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về chia tài sản chung:* Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3]. Về án phí:** Ông L phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0003134 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**1.** Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Tô Thị Mỹ T.

**2.** Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Xuân Thơ, sinh ngày 03/3/2010, giới tính nữ, cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Công Văn, sinh ngày 12/10/2017, giới tính nam cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông L và bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên bà T và ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

**3.** Về chia tài sản và nợ chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Tô Thị Mỹ Tú không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4.** Về án phí: Ông L phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0003134 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**